

Luật số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2
13.7.2023**LUẬT**
THỦ ĐÔ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thủ đô.*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm của Thủ đô; tổ chức chính quyền tại Thủ đô; xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô; liên kết, phát triển Vùng Thủ đô.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Thủ đô

- Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.
- Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước.
- Trụ sở cơ quan trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát* là môi trường thử nghiệm được giới hạn về phạm vi, thời gian và đối tượng tham gia trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, đầu tư, kinh doanh mà chưa được pháp luật quy định hoặc cần thiết phải thực hiện khác với quy định của pháp luật.
- Chương trình, dự án trọng điểm của Thủ đô* là các chương trình, công trình, dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, Vùng Thủ đô.
- Chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô* là các chương trình, công

trình, dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa và kết nối phát triển kinh tế, xã hội cho vùng và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.

4. *Đô thị trung tâm* gồm khu nội đô lịch sử và các quận có ranh giới tiếp giáp, liên tục với khu nội đô lịch sử được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

5. *Đô thị vệ tinh* là đô thị gồm các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, phường, thị trấn không gắn liền với đô thị trung tâm, được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô; có chức năng hỗ trợ cho đô thị trung tâm.

6. *Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là dự án sản xuất, kinh doanh thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng sinh lời, lặp lại, có khả năng tăng trưởng đột biến về quy mô khách hàng, thu nhập, lợi nhuận, có thể đem lại giá trị lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

7. *Khu thúc đẩy thương mại và văn hóa* là khu vực tập trung các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa với các điều kiện về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút du lịch, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện đời sống dân cư, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống.

8. *Khu nội đô lịch sử* là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long, các giá trị truyền thống của người Hà Nội được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

9. *Nông nghiệp sinh thái* là mô hình nông nghiệp bền vững, chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế nhằm bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn với sức khỏe của con người.

10. *Nhà đầu tư chiến lược* là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, công nghệ nguồn hoặc đi đầu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, văn hoá, giáo dục, bảo vệ môi trường, được lựa chọn đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm và các dự án nằm trong Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô Hà Nội.

11. *Mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)* là mô hình lấy định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng làm cơ sở cho quy hoạch, phát triển đô thị, lấy đầu mối giao thông làm điểm tập trung dân cư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, góp phần giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.

12. *Vùng phát thải thấp (LEZ)* là khu vực hạn chế các loại hình sản xuất, kinh doanh, phương tiện giao thông, công trình xây dựng có khả năng gây ô nhiễm, phát thải cao.

13. *Vùng Thủ đô* gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc.

Điều 4. Áp dụng Luật Thủ đô

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2.

Phương án 1:

Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực có quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô thì áp dụng luật, nghị quyết ban hành sau.

Phương án 2:

Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực có quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô thì việc áp dụng do Hội đồng nhân thành phố Hà Nội quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên động viên mọi tầng lớp nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước.

2. Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thủ đô.

3. Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển.

4. Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, phát triển Thủ đô; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ.

Điều 7. Biểu tượng của Thủ đô

Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Điều 8. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô

1. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được trao tặng cho người nước ngoài có đóng góp trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

3. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm phát hiện, giới thiệu, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xét và tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

Chương II

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN TẠI THỦ ĐÔ

Điều 9. Tổ chức chính quyền tại Thủ đô

1. Chính quyền địa phương ở thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, xã, thị trấn gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Chính quyền địa phương ở các phường tại thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước, hoạt động theo chế độ thủ trưởng, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội, quận, thị xã; ủy quyền của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính cấp Thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 10. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a)

Phương án 1: Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hà Nội thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Đội quản lý trật tự xây dựng là tổ chức hành chính tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố;

Phương án 2: Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Sở An toàn thực phẩm là

cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hà Nội thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Đội quản lý trật tự xây dựng là tổ chức hành chính tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố và một số cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

b)

Phương án 1: Trên tổng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao, Hà Nội được giao tăng thêm tối đa 10% căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quy định, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để đảm bảo các chi phí cho biên chế tăng thêm;

Phương án 2: Quyết định biên chế cán bộ, công chức; số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quy định, quy mô dân số, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội.

c) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bầu 125 đại biểu, trong đó có ít nhất 25% số đại biểu hoạt động chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Trưởng ban, không quá 02 Phó Trưởng ban và không quá 04 ủy viên hoạt động chuyên trách.

Điều 11. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

d) Phân cấp hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của mình cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới kèm theo bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự giải quyết các thủ tục hành chính để thực hiện việc ủy quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể;

b) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi có thiên tai; dịch bệnh; sự cố môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

Điều 12. Hội đồng nhân dân quận, thị xã

Hội đồng nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, thành phố Hà Nội phân cấp trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; tài nguyên môi trường; quản lý khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý; phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc quận, thị xã.

Điều 13. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã

1. Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều 12 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; giao quyền Chủ tịch phường theo quy định của pháp luật.

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

Điều 14. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, thị xã quy định tại Điều 12 của Luật này, các quy định khác về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại Luật này.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội theo quy định của Chính phủ.

3. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và không quá 09 đại biểu chuyên trách.

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm các Ban: Kinh tế - Xã hội, Pháp chế, Đô thị; mỗi ban không quá 02 Phó Trưởng ban.

Điều 15. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành

phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại **khoản 1 Điều 13** và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại các điều khác của Luật này;

b) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

c) Tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại **khoản 2 Điều 13** của Luật này, các quy định khác về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có không quá 04 Phó Chủ tịch.

Điều 16. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận, thị xã; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã phân cấp, ủy quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch; phường loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường;

b) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; chịu trách nhiệm quản lý toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 17. Chế độ công vụ, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

1. Thực hiện thống nhất một chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội:

a) Cán bộ được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ, được quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố;

b) Công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp Thành phố;

c) Cán bộ làm trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ mà đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm của chức danh công chức thì được tiếp nhận vào công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ký hợp đồng hành chính có thời hạn khi có nhu cầu. Người được ký hợp đồng làm việc phải đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp huyện được tiến cử, giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để làm quy trình bổ nhiệm cấp phó và chịu trách nhiệm về việc tiến cử, giới thiệu của mình.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

1. Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác kể cả trong và ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển của một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô được hưởng các ưu đãi về tuyển dụng, xếp lương, bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo và các ưu đãi khác.

2. Người có tài năng đặc biệt được ký hợp đồng làm việc hoặc được đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, quản lý hạ tầng hoặc các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công khác.

3. Chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao; nhiều kinh nghiệm thực tiễn; có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao thì được ký hợp đồng làm việc để thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục với chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể lĩnh vực thu hút, nguyên tắc thực hiện, tiêu chuẩn các đối tượng được thu hút, quy trình, thủ tục tuyển dụng, chế độ chính sách đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 19. Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô

1. Thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại xã, phường, thị trấn, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý, một số hội có tính chất đặc thù theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù

hợp với khả năng ngân sách của Thành phố Hà Nội và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ THỦ ĐÔ

Điều 20. Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

1. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải được thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô, các quy định của pháp luật về xây dựng, về quy hoạch đô thị và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thủ đô với các địa phương trong Vùng Thủ đô và cả nước.

2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để phục vụ lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: tăng chỉ tiêu đất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; giảm mật độ xây dựng; tăng chỉ tiêu diện tích sàn ở bình quân đầu người nhưng phải bảo đảm kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố và không làm tăng mật độ xây dựng và không làm quá tải hạ tầng khu vực; trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 40 của Luật này; bổ sung các công trình công cộng hoặc cải thiện cảnh quan đô thị nhằm nâng cao chất lượng, điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc của người dân trong khu vực.

Điều 21. Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

1. Không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có trong khu nội đô lịch sử; không mở rộng, xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực đô thị trung tâm.

Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính ở đô thị trung tâm trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực đô thị trung tâm.

Di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan, đơn vị trong khu nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp và lộ trình di dời một số cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương trong khu nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ quan, đơn vị còn lại đối với các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này.

Quy đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi khu nội đô lịch sử, đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 1 Điều này được ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình công cộng, phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa cho khu nội đô lịch sử.

3. Khi lập quy hoạch chi tiết để mở rộng trục đường giao thông theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thủ đô phải xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật về đất đai và quy hoạch. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc lập quy hoạch trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy hoạch.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định dự án mở rộng trục đường giao thông quy định tại khoản này.

4. Khi triển khai dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc xác định diện tích đất vùng phụ cận để thu hồi quản lý, sử dụng theo quy hoạch.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm trong việc thẩm định, giám sát thực hiện quy hoạch theo quy mô, mật độ, cơ cấu dân cư được xác định tại Quy hoạch chung Thủ đô; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư, thẩm định quy hoạch phân khu do nhà đầu tư chiến lược đề xuất; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đề xuất xây dựng quy hoạch phân khu đô thị của nhà đầu tư chiến lược.

Điều 22. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị

1. Không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch, bảo đảm bảo tồn, tôn tạo, phát huy các hình thái kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử, tạo lập không gian xanh, không gian ngầm của Thủ đô, không gian cảnh quan khu vực hai bên Sông Hồng.

2. Việc cải tạo, chỉnh trang các đường giao thông quan trọng trong khu vực đô thị phải được thực hiện trên cơ sở quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc.

Trong trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định việc lập thiết kế cải tạo chỉnh trang tuyến đường.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, biện pháp quản lý không gian đô thị, kiến trúc, cảnh quan, vùng di sản đối với khu nội đô lịch sử, khai thác cảnh quan khu vực hai bên Sông Hồng và các trục cảnh quan theo Quy hoạch chung Thủ đô; các nguyên tắc và điều kiện xây dựng riêng trong khu nội đô lịch sử và các đô thị của Hà Nội về giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

4. Việc quản lý, xây dựng và khai thác khoảng không, không gian ngầm tại các đô thị, khu nội đô lịch sử phải bảo đảm bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan sạch đẹp, khang trang.

Hội đồng nhân dân thành phố quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác không gian ngầm, khoảng không công trình ngầm trên địa bàn Thủ đô.

Điều 23. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

1. Việc cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 phải bảo đảm bảo vệ, phát huy giá trị kiến trúc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Lộ trình giãn dân ở khu nội đô lịch sử; cơ chế khuyến khích, ưu đãi trong cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử: nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác chỉnh trang, tái thiết đô thị;

b) Chính sách đầu tư, phát triển các khu dân cư mới, cơ chế hỗ trợ, đền bù để bố trí định cư cho các hộ dân di dời;

c) Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị;

d) Hỗ trợ, ưu đãi, đối với việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác có giá trị);

đ) Các nguyên tắc hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; khuyến khích cơ chế đối tác công tư, thực hiện xã hội hóa trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị;

e) Biện pháp khuyến khích khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng (như phố đi bộ, vỉa hè, quảng trường,...) trong phát

triển kinh tế khu vực đô thị. Thử nghiệm có kiểm soát - khu thúc đẩy thương mại và văn hoá;

g) Một số ô phố, tuyến phố đặc trưng có sự ảnh hưởng mạnh của kiến trúc nước ngoài, kiến trúc đặc trưng của Việt Nam theo từng thời kỳ lịch sử để phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu nội đô lịch sử;

h) Hoán đổi vị trí, chức năng của ô đất tại quy hoạch chi tiết trong khu nội đô lịch sử để tái cấu trúc, tái khai thác các nguồn lực có giá trị kiến trúc, văn hóa, lịch sử ở khu nội đô lịch sử.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng các công trình để cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị khu nội đô lịch sử;

b) Việc đấu thầu cho thuê biệt thự cũ thuộc sở hữu nhà nước để kinh doanh du lịch, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực; được đấu giá bán biệt thự cũ (trừ công trình có giá trị đặc biệt hoặc công trình có hiệu quả cao về cho thuê) gắn với cam kết về giữ gìn, tôn tạo, bảo trì công trình.

Điều 24. Bảo vệ và phát triển văn hóa, thể thao

1. Việc bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô phải xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội, bảo đảm tiêu biểu cho bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Thủ đô và dân tộc; xây dựng Hà Nội thực sự là Thủ đô văn hiến; trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước; xây dựng văn hóa người Hà Nội thanh lịch, văn minh, trở thành nguồn lực mới cho phát triển Thủ đô.

Ưu tiên các nguồn lực cho bảo vệ và phát triển văn hóa trên địa bàn Thủ đô; việc đầu tư các nguồn lực nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu bảo vệ, phát triển văn hóa Thủ đô và hội nhập quốc tế.

2. Các khu vực và di sản văn hóa sau đây phải được tập trung nguồn lực để bảo vệ, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa:

a) Khu vực Ba Đình;

b) Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh;

c) Di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các di sản văn hóa khác được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, Di sản tư liệu, chương trình Ký ức thế giới;

d) Khu di tích Cổ Loa và các di tích quốc gia đặc biệt khác, các di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô; di tích cấp Thành phố; di sản văn hóa trong danh mục được kiểm kê;

đ) Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây;

e) Phố cổ, làng cổ và làng nghề truyền thống tiêu biểu;

g) Biệt thự cũ, nhà cổ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Phạm vi hỗ trợ, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; việc xét tặng danh hiệu nghệ nhân Hà Nội đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể;

b) Biện pháp khuyến khích huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hoá, thể thao mới, tiêu biểu của Thủ đô;

c) Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, nhà cổ công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và các giá trị văn hóa phi vật thể quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều này.

Điều 25. Phát triển giáo dục và đào tạo

1. Xây dựng Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô theo các tiêu chí về quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, dịch vụ giáo dục và cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm, vị trí, vai trò của Thủ đô. Việc theo học tại các cơ sở giáo dục nêu trên theo nguyên tắc tự nguyện.

2. Cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Cơ sở giáo dục khi tham gia liên kết giáo dục phải là cơ sở được thành lập hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục. Chương trình giảng dạy, bằng cấp, chứng chỉ của chương trình liên kết phải đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Việc theo học các chương trình liên kết giáo dục tại các cơ sở giáo dục này theo nguyên tắc tự nguyện.

Trình tự, thủ tục thực hiện liên kết giáo dục tại khoản này được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và trường tư thục; lộ trình thực hiện việc hỗ trợ;

c) Cơ chế cấp học bổng dành cho công dân Thủ đô được tuyển chọn, cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín trên thế giới, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Thủ đô.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế;

c) Tiêu chí, điều kiện của cơ sở giáo dục công lập được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài; Chương trình giảng dạy, việc cấp bằng, chứng chỉ của chương trình liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục phổ thông của Thủ đô với các cơ sở giáo dục nước ngoài; việc thuê giáo viên nước ngoài, cơ chế huy động nguồn lực để phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước và quốc tế trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập của Thủ đô theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 26. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Tập trung phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ; thực hiện chuyển đổi số trên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội.

a) Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Bảo đảm phát huy tiềm năng, trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng. Có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc tại Hà Nội và trong vùng Thủ đô. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực quản lý các cấp tại địa phương.

b) Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của đất nước, khu vực, quốc tế. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ có trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực có thể mạnh đạt trình độ quốc tế, thực sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh.

c) Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ

cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật; năng lượng sinh khối; công nghệ gen, sinh học phân tử, vaccin; công nghệ chế tạo chip, in 3D, vật liệu tiên tiến; công nghệ vật liệu xây dựng mới.

d) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và được hưởng các ưu đãi sau:

a) Áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô không phải chịu thuế thu nhập cá nhân. Chuyên gia, nhà khoa học được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố một phần chi phí thuê nhà, phương tiện đi lại trong thời gian chủ trì nhiệm vụ;

c) Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách kinh phí mua sắm, chi phí vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô; được chuyển giao không bồi hoàn đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong các năm tham gia thực hiện nhiệm vụ; được hỗ trợ từ ngân sách kinh phí hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô;

d) Sử dụng ngân sách thành phố hỗ trợ việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ việc ứng dụng các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu Công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô.

3. Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố:

a) Hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước chi phí ươm tạo bao gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia, công lao động trực tiếp; dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung cho các dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp;

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thủ đô khi tham gia

đầu thầu các gói thầu của thành phố Hà Nội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

a) Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học trên cơ sở thành lập doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua việc sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu công nghệ cao của Thành phố Hà Nội; được ưu tiên miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Đầu tư và thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Ban hành Quy chế quản lý, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô; các chương trình, dự án trọng điểm và lĩnh vực thu hút đầu tư trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Quyết định hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ của Thủ đô được chuyển giao không bồi hoàn đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án khởi nghiệp sáng tạo được Thành phố hỗ trợ kinh phí cho đơn vị chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm phục vụ công tác quản lý của Thủ đô, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, Vùng Thủ đô;

c) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội và các nguồn hợp pháp khác do Thành phố huy động để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thủ đô nhận chuyển giao các công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô; hỗ trợ không bồi hoàn kinh phí cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo theo các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô.

6. Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và

đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước,

Địa điểm, ranh giới, quy mô sử dụng đất của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được xác định trong Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô. Quy hoạch xây dựng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lập, thẩm định, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

Hoạt động đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, các ưu đãi quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật này.

7. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội, thực hiện cung ứng dịch vụ công, dịch vụ phụ trợ trong các khu công nghệ cao theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội.

8. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố được thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố thuộc thành phố Hà Nội trong phạm vi khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý.

Điều 27. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

1. Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến và hiện đại, theo mô hình ba cấp, phù hợp với quy mô dân số, địa bàn phục vụ. Tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình của Thủ đô, bảo đảm chăm sóc liên tục, toàn diện sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập.

Phương án 1: Chuyển giao các bệnh viện thuộc bộ, cơ quan nhà nước ở Trung ương đóng trên địa bàn Thủ đô về thành phố Hà Nội quản lý, trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, bệnh viện của các trường đại học. Việc chuyển giao các bệnh viện thuộc Bộ Y tế thực hiện theo lộ trình do Chính phủ quyết định.

Phương án 2: Không quy định nội dung này tại dự thảo Luật.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập của thành phố Hà Nội:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong mua sắm, sửa chữa thực hiện theo quy định về mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính, danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình;

b) Mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện; cơ chế thanh toán dịch vụ từ nguồn ngân sách Thành phố các cấp, quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu từ người sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện;

c) Biện pháp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, y tế dự phòng; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, cập nhật, chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực y dược, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, y tế công cộng cho cơ sở y tế công lập của thành phố Hà Nội.

4. Trên cơ sở kinh phí được phân bổ cho quỹ bảo hiểm y tế, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế để phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thủ đô.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thủ đô;

b) Lộ trình phát triển và quy định về tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thủ đô; trong đó hệ thống cấp cứu ngoại viện gồm: Bệnh viện 115, Trung tâm điều phối cấp cứu, Trung tâm đào tạo cấp cứu và mạng lưới cấp cứu; trạm cấp cứu của 115 và các tổ cấp cứu ngoại viện của các bệnh viện đóng trên địa bàn Thủ đô;

c) Lộ trình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình đối với khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, việc phân tuyến, chuyển tuyến phù hợp với sự phát triển của hệ thống y tế của Thủ đô;

d) Phân cấp, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 28. Chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô

1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, hướng tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm thông qua việc giao Ủy ban nhân dân thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Thành phố Hà Nội thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung, hình thức và thời gian hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội ngoài các đối tượng theo quy định pháp luật hiện hành;

c) Nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan;

d) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội;

đ) Việc sử dụng vốn đầu tư phát triển địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp.

4. Tổ chức khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô, được bảo đảm thực hiện từ ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa và nguồn từ quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp.

Điều 29. Bảo vệ môi trường và giảm phát thải

1. Quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa và lịch sử ở Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

2. Trên địa bàn Thủ đô nghiêm cấm lấn chiếm, gây ô nhiễm sông, suối, hồ, ao, đầm, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng; chặt phá rừng, cây xanh trái phép; xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; sử dụng diện tích công viên, vườn hoa công cộng sai chức năng, mục đích.

Việc san lấp, cải tạo sông, hồ, ao suối, đầm bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt phải phù hợp với quy hoạch đô thị, quy định về kiến trúc, cảnh quan, môi trường của Thủ đô.

3. Di dời cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao ra khỏi khu nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Vùng phát thải thấp và các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với cải thiện môi trường, kiểm soát ô nhiễm, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ, giao thông trên địa bàn Thủ đô tại vùng phát thải thấp;

b) Khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và lộ trình thực hiện; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế ùn tắc giao thông. Ban hành tiêu chí, trình tự thực hiện quy định tại điểm này;

c) Biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đầu tư sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao, ít sử dụng hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật; các hoạt động xử lý, tái chế sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp;

d) Khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư, làng nghề;

đ) Tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi đối với công nghệ xử lý rác thải rắn; điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng xử lý bổ sung;

e) Điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề, phố nghề, làng nghề du lịch; biện pháp ưu đãi đầu tư thu gom, xử lý rác thải liên xã, liên huyện trên địa bàn Thủ đô.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ các chính sách quy định tại điểm b khoản 5 Điều này tổ chức thực hiện việc hạn chế hoạt động phương tiện cơ giới đường bộ sử dụng nhiên liệu hóa thạch tham gia giao thông; quy định chi tiết điểm b, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 5 Điều này.

Điều 30. Quản lý, sử dụng đất đai

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cơ chế chia sẻ lợi ích từ nguồn thu của các dự án giữa doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư thương mại, dịch vụ với nhà nước, người dân có đất bị thu hồi.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố để áp dụng tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất (không phân biệt giá trị tính theo bảng giá đất) trong trường hợp bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường và xây dựng đến từng thửa đất để áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức của hộ gia đình, cá nhân;

b) Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.

3. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thủ đô phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nơi ở và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

Thành phố xem xét hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất để tạo điều kiện cho người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có việc làm, thu nhập, ổn định đời sống, sản xuất, kinh doanh;

b) Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nhu cầu được bồi thường bằng tiền thì được bồi thường bằng tiền theo nguyện vọng đã đăng ký khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

4. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với quỹ đất bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật đất đai thì thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất hoặc thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất dựa trên điều kiện, tính chất của dự án thông qua cơ chế thẩm định, đánh giá lựa chọn phương án.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa, đất xen kẹt sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa, đất xen kẹt sang các loại đất phi nông nghiệp phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc,

điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa, đất xen kẹt sang đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, đất trồng lúa dưới 500 ha, đất xen kẹt do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố thành lập và giao trách nhiệm quản lý, khai thác quỹ đất thuộc thẩm quyền quản lý cho doanh nghiệp do mình nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật này và pháp luật đất đai.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành:

a) Quyết định chuyển đổi từ đất trồng lúa sang các loại đất sản xuất nông nghiệp khác để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản;

b) Quy định tỷ lệ xây dựng tối đa không quá 10% đất nông nghiệp để xây dựng công trình bán kiên cố công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sơ chế, sân phơi, kho, gian hàng giới thiệu sản phẩm, xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm nông nghiệp, các công trình phụ trợ khác; việc xây dựng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng đất và hoàn trả nguyên trạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Quyết định thời gian cho thuê đối với quỹ đất công ích sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

d) Quy định cơ chế, biện pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tái điều chỉnh đất đai trong các trường hợp: tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất nông nghiệp; thực hiện dự án chỉnh trang, tái thiết, phát triển đô thị; thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại các khu nhà chung cư; mở rộng, nâng cấp đường giao thông.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

b) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

c) Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan thi hành án dân sự

hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

d) Đất không có tranh chấp;

đ) Trong thời hạn sử dụng đất;

e) Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất phải bảo đảm điều kiện: có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất; văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm đăng ký đất đai vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

Điều 31. Phát triển nhà ở

1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị, nhà ở trên địa bàn Thủ đô phải phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô và yêu cầu xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoài đô thị trung tâm, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

2. Việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, nhà ở cũ, nhà nhiều hộ xuống cấp phải tuân thủ quy hoạch được phê duyệt bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

3. Việc phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô phải theo quy định sau đây:

a) Theo mô hình căn hộ chung cư phù hợp với điều kiện về đất đai, dân cư của Thủ đô;

b) Bảo đảm tỷ lệ quỹ nhà ở xã hội theo quy định và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt đối với tất cả các dự án được quy hoạch xây dựng nhà ở cao tầng, thấp tầng, nhà ở biệt thự; các khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ hệ thống hạ tầng, theo lộ trình phù hợp với nhu cầu của thị trường và điều kiện của Thành phố;

d) Thành phố Hà Nội được bố trí quỹ đất tương đương 20% đất ở trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thay thế ở vị trí khác trên cơ sở đề xuất quỹ đất thay thế của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được quy định như sau:

a) Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết; việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với nhiệm vụ và đồ án quy

hoạch chi tiết được thực hiện cùng một thời điểm. Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết;

b) Tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chưa phù hợp quy hoạch chung thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Trường hợp quy hoạch chi tiết chưa phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thì cho phép thực hiện việc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất hoặc mật độ xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật trước khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và triển khai các bước tiếp theo của dự án;

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02 ha đến dưới 10 ha, doanh nghiệp đầu tư dự án được phép nộp tiền tương ứng với quỹ đất 20% để phát triển nhà ở xã hội. Nguồn tiền do chủ đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02 ha đến dưới 10 ha đóng được nộp vào Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để hỗ trợ, cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Việc điều chỉnh quy hoạch tại một số ô đất tại các khu, cụm công nghiệp để phát triển nhà lưu trú cho công nhân tại các khu, cụm công nghiệp; không phát triển nhà ở xã hội là nhà ở liền kề thấp tầng;

b) Chính sách cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ xuống cấp, chung cư cũ, chỉnh trang nhà ở các ô phố và niên hạn sử dụng các nhà chung cư cao tầng;

c) Việc sử dụng vốn từ ngân sách của thành phố Hà Nội hoặc từ Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo các nhà ở cũ có một chủ sở hữu là Nhà nước. Sau khi hoàn thành, thành phố Hà Nội cho người sử dụng thuê (nếu có nhu cầu); tổ chức đấu giá để thu hồi vốn trong trường hợp còn quỹ nhà sau khi xây dựng mới;

d) Việc bố trí kinh phí ngân sách lập quy hoạch, lựa chọn chủ đầu tư; huy động tối đa các nguồn lực từ Nhà nước, xã hội hoặc đầu tư theo hình thức hợp tác công tư để cải tạo, xây dựng mới các nhà ở cũ thuộc nhiều sở hữu, trong đó có sở hữu nhà nước, đã xuống cấp; trách nhiệm đóng góp kinh phí đầu tư của các chủ sở hữu nhà ở có xây dựng, cải tạo theo quy định của Luật Nhà ở;

đ) Biện pháp thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ, hoán đổi vị trí, chức năng của ô đất tại quy hoạch chi tiết, tái điều

chính đất đai để xây dựng mới nhà ở tái định cư tại chỗ cho người dân hoặc bố trí tái định cư tại các vị trí khác nhằm ưu tiên dành quỹ đất tại các khu vực này để xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công cộng, thương mại, dịch vụ;

e) Biện pháp hỗ trợ đầu tư phát triển quỹ nhà tái định cư, bao gồm cả biện pháp đặt hàng trong các dự án nhà ở thương mại nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng nhà ở tái định cư, tạo sự đồng thuận của người dân;

g) Quyết định khung giá đối với nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trên cơ sở Quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt và mức độ đô thị hóa, quyết định:

a) Các khu vực, địa bàn hoặc loại đồ án quy hoạch chi tiết đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị không phải dành quỹ đất ở tại dự án để xây dựng nhà ở xã hội;

b) Bố trí thay thế quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội tương đương vào trong các khu nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha đến dưới 10ha khi doanh nghiệp đầu tư dự án nộp số tiền tương ứng với quỹ đất 20% vào Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để phát triển nhà ở xã hội.

Điều 32. Chính sách phát triển đô thị thuộc Thủ đô

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

1. Phát triển các thành phố thuộc thành phố Hà Nội và đô thị vệ tinh, đô thị mới, phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, cơ chế chia sẻ lợi ích của các nhà đầu tư với nhà nước và người đang sử dụng đất.

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông và các dự án phát triển đô thị, khu thương mại, du lịch, khu công nghiệp trong khu vực và vùng phụ cận được tổ chức đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số các nhà đầu tư chiến lược để thực hiện dự án trọng điểm, các dự án bổ trợ dự án trọng điểm.

3. Cơ chế, biện pháp đầu tư, trong đó các dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư theo hình thức đấu thầu, đặt hàng, nhà đầu tư ứng vốn triển khai đầu tư không tính lãi, thành phố Hà Nội thanh toán theo tiến độ và quyết toán được phê duyệt (đối với tuyến đường không thu được phí) và theo hình BOT (đối với dự án xây dựng công trình giao thông có thể thu phí như đường sắt đô thị, đường giao thông trên cao...). Các nhà đầu tư được lựa chọn đầu tư xây dựng các khu đô thị trong khu vực, các điểm đầu nối trong dự án TOD, các khu thương mại, du lịch, công nghiệp hai bên tuyến đường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định (như chính sách áp dụng cho những dự án khác trên địa bàn), nhà đầu tư trích lợi nhuận trước thuế để bù đắp cho dự án đầu tư

xây dựng đường giao thông.

4. Cơ chế, giải pháp thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đối với cả dự án trọng điểm hoặc nhóm dự án bổ trợ dự án trọng điểm theo cơ chế lợi ích hài hoà, rủi ro chia sẻ để người dân, doanh nghiệp có đất bị thu hồi được bảo đảm về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh.

Điều 33. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thủ đô;

b) Ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác đường sắt đô thị, xe buýt, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện giao thông phát thải thấp;

c) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải;

d) Ưu tiên phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và huy động nguồn lực phát triển đường sắt đô thị, đường vành đai, trung tâm logistic, hệ thống giao thông công cộng trong Vùng Thủ đô.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức quản lý, bảo trì các đoạn tuyến quốc lộ, đường vành đai, đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Thủ đô và đường cao tốc đô thị nằm hoàn toàn trên địa bàn Thủ đô.

Điều 34. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn cao hơn và ngoài các chính sách Trung ương ban hành:

a) Hỗ trợ nghiên cứu nuôi cấy mô, xây dựng Tháp giống, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi đặc sản bản địa có giá trị cao, nhập khẩu các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu để hình thành các cơ sở sản xuất giống;

b) Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, lợi thế của từng vùng của Thủ đô;

c) Hỗ trợ hạ tầng nông nghiệp, quảng bá sản phẩm, lãi suất vốn vay cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp sinh thái, du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn của Thủ đô;

d) Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm nông nghiệp cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo,

hộ cận nghèo sản xuất nông nghiệp đối với trồng lúa, chăn nuôi bò, lợn;

Hỗ trợ 50% phí bảo hiểm nông nghiệp đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp được quy định tại điểm a, b, c khoản này.

đ) Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô; bố trí quỹ đất phù hợp để cho các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới được thuê đất với ưu đãi hợp lý về tiền thuê đất và thời gian thuê;

e) Hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, vay vốn để chuyển đổi nghề phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, dịch vụ hỗ trợ đô thị; hỗ trợ đào tạo nghề;

g) Hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Phê duyệt, ban hành quy chế hoạt động khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

b) Cấp phép các hoạt động có liên quan đến đề điều trên địa bàn Thành phố;

c) Các hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông phù hợp với quy hoạch.

Điều 35. Các biện pháp bảo vệ Thủ đô, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

1. Xây dựng các khu vực phòng thủ bảo vệ Thủ đô, các phương án bảo đảm an toàn cho Thủ đô trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô bằng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả; mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

Phương án 1:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước ngừng cung cấp dịch vụ đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô;

c) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở thành phố Hà Nội có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản này.

Phương án 2:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó.

Chương IV

TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ

Điều 36. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và thường cho Thủ đô tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu.

Việc xác định số bổ sung có mục tiêu và thường trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

3. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu phí do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại **khoản 2 Điều này** để đầu

tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và phúc lợi xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội.

4. Việc thu phí, lệ phí trên địa bàn Thủ đô quy định tại khoản 2 Điều này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

5. Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 120% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp. Thu ngân sách thành phố Hà Nội được xác định trên cơ sở dự toán thu ngân sách thành phố Hà Nội được Quốc hội quyết định của năm dự toán. Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

6.

Phương án 1: Không quy định nội dung này tại dự thảo Luật Thủ đô mà sẽ nghiên cứu quy định tại Luật Ngân sách nhà nước khi Luật này sửa đổi, bổ sung - Tờ trình sẽ nêu rõ vấn đề này.

Phương án 2: Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại 100% các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các dự án, công trình, dự án trọng điểm, có tính chiến lược của Thủ đô, Vùng Thủ đô, các dự án PPP, dự án giao thông công cộng hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này.

Điều 37. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã dành nguồn

để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu bao gồm: phòng cháy, chữa cháy, thu gom, xử lý rác, cấp nước, thoát nước, điện, thiết bị, nhà vệ sinh, tường rào trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật trước khi phân bổ dự toán và phải thực hiện đấu thầu, quản lý như dự án đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm trước. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội lập, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định bố trí dự toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho các dự án trên để thu hồi vốn tạm ứng, hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bố trí kinh phí từ ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, bệnh viện trong đô thị trung tâm; hỗ trợ di chuyển trụ sở các cơ quan Trung ương theo biện pháp, lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị sau khi di chuyển phải bàn giao tài sản, nhà đất cho cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội để sử dụng theo quy hoạch.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng ngân sách Thành phố

để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hằng năm, Hội đồng nhân dân bố trí ít nhất 2% chi ngân sách dành cho bảo vệ và phát triển văn hóa.

8. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

9. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cấp chính quyền của thành phố Hà Nội có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả nguồn ngân sách được Nhà nước phân bổ, hỗ trợ và các nguồn vốn huy động khi thực hiện các chương trình, dự án xây dựng, phát triển Thủ đô.

Điều 38. Tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục các dự án đầu tư thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư

quy định tại Điều này.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục đối với các dự án đầu tư công nhóm A theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công.

Điều 39. Thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được áp dụng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa và thể thao. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa.

3. Trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không đảm bảo khả năng hoàn vốn, Hội đồng nhân dân Thành phố được xem xét, quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án PPP nhưng không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 40. Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng

1. Việc thực hiện các dự án TOD theo cơ chế dự án phát triển đô thị và dự án giao thông nằm trong một tổng dự án.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư công độc lập để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các dự án đầu tư theo đồ án thiết kế riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận các nhà ga thuộc các tuyến đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường giao thông... thuộc địa phận Thành phố để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư tại chỗ, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy hoạch và thu hồi đất tại vùng phụ cận tại các điểm đầu nối giao thông, thu hồi đất tại vùng phụ cận theo quy hoạch tại các điểm đầu nối giao thông và khai thác quyền sử dụng đất, không gian ngầm, khoảng không tại các điểm đầu nối và vùng phụ cận theo hình thức đấu giá hoặc đấu thầu để tạo nguồn lực đầu tư cho dự án giao thông; thành phố Hà Nội được giữ lại nguồn lực từ đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất, không gian ngầm, khoảng không của điểm đầu nối giao thông và vùng phụ cận và được phân bổ toàn bộ kinh phí thu được vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phát triển hệ thống giao thông và các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

4. Đối với vùng phụ cận các nhà ga, các nút giao thông quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội so với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng đối với khu vực đô thị hiện hữu nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được xác định trong nội dung đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chung Thành phố.

5. Việc thu hồi đất đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố; vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi của dự án trong vùng phụ cận đã được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

6. Quyết định lựa chọn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các dự án đường sắt đô thị tại Thủ đô và Vùng Thủ đô.

Điều 41. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao

1. Thành phố được thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hạ tầng xã hội theo các hình thức sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán và căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện, bảo đảm đúng quy định của pháp luật;

b) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng quỹ đất, đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Việc thực hiện Hợp đồng BT theo các quy định sau:

a) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát ngân sách nhà nước;

b) Được đầu giá quyền khai thác, sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, khoáng không và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và sử dụng nguồn lực từ đầu giá quyền khai thác này để chi trả cho dự án BT. Được giữ lại và bố trí ngân sách từ

tiền thu được từ đầu giá tài sản, quyền khai thác, sử dụng đất, mặt nước, khoáng không, không gian ngầm để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT;

c) Việc sử dụng quỹ đất, đất, nhà và tài sản gắn liền với đất để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT được thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, giá trị Dự án BT tương đương với giá trị tài sản thanh toán và được xác định như sau:

Giá trị của quỹ đất, đất, nhà và tài sản gắn liền được xác định theo giá thị trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán. Giá trị Dự án BT được xác định theo kết quả đấu thầu.

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án thực hiện theo Hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

Đối với Hợp đồng BT thanh toán bằng tiền, Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án;

Đối với Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất, thời điểm thanh toán là thời điểm Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất cho Nhà đầu tư.

đ) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án thực hiện theo Hợp đồng BT được thực hiện sau khi thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt;

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính;

4. Chính phủ quyết định về lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án BT.

Điều 42. Quản lý tài sản công và mô hình thử nghiệm có kiểm soát

1.

Phương án 1: Thành phố được nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) đối với các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao, bảo tàng do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô; và áp dụng phương thức xây dựng, chuyển giao, thuê dịch vụ (BTL) hoặc xây dựng, thuê dịch vụ, chuyển giao (BLT) đối với các công trình do tư nhân xây dựng, sở hữu và thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng cho các mục đích công cộng; cơ chế sử dụng, quản lý, khai thác tài sản công của cơ sở văn hóa, thể thao, cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội khi thực hiện liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường.

Phương án 2: Thành phố được nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) đối với

một số công trình trọng điểm do thành phố Hà Nội quản lý, các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao, bảo tàng do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô; và áp dụng phương thức xây dựng, chuyển giao, thuê dịch vụ (BTL) hoặc xây dựng, thuê dịch vụ, chuyển giao (BLT) đối với các công trình do tư nhân xây dựng, sở hữu và thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng cho các mục đích công cộng; cơ chế sử dụng, quản lý, khai thác tài sản công của cơ sở văn hóa, thể thao, cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội khi thực hiện liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường.

2. Thành phố Hà Nội được áp dụng mô hình thử nghiệm có kiểm soát:

a) Trong khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố đối với các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo;

b) Đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên của Thành phố;

c) Tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô.

Điều 43. Hình thức thu hút đầu tư xã hội

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được thành lập Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước theo Đề án thành lập do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua:

a) Doanh nghiệp được thành phố Hà Nội giao 100% vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ, ủy thác vốn để thực hiện dự án theo nhiệm vụ Thành phố giao. Doanh nghiệp được huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật với các hình thức như vay vốn, phát hành trái phiếu, tiếp nhận các nguồn tài trợ, vốn ủy thác. **Doanh nghiệp được phát triển quỹ đất từ các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đất đai và luật này;**

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các công trình, dự án trọng điểm về giao thông, giao thông đô thị, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và các ngành kinh tế quan trọng của Thủ đô. Doanh nghiệp có thể được ủy thác tham gia ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư theo phương thức đối tác công tư, quản lý dự án TOD, ký kết các hợp đồng O&M thực hiện bảo hành, bảo trì trong các dự án PPP, TOD, triển khai các mô hình quản lý, khai thác tài sản công theo phương thức nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) của thành phố Hà Nội, ký kết các hợp đồng O&M, BLT, BTL và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Quỹ Bảo vệ, phát triển văn hóa và

tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ, phát triển văn hóa và tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô.

Quỹ Bảo vệ, phát triển văn hóa và tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước; từ các khoản đóng góp của các chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, du lịch tại khu nội đô lịch sử, các khu thúc đẩy thương mại, văn hoá trích một phần lợi nhuận để nộp quỹ;

c) Nhiệm vụ chi của Quỹ là hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa; hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước; hỗ trợ người dân thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu nội đô lịch sử ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Điều 44. Thẩm quyền về đầu tư

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Danh mục các lĩnh vực, hàng hóa, dịch vụ công cần khuyến khích đầu tư kinh doanh trên địa bàn Thủ đô; Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô Hà Nội; Danh mục chương trình, công trình, dự án trọng điểm của Thủ đô; biện pháp khuyến khích đầu tư và phương thức thực hiện;

b) Quyết định lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế; Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá trong các lĩnh vực, phương thức thanh toán ngoài các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm và nhu cầu xây dựng, phát triển Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500ha trở lên.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau:

a) Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

b) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;

c) Dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài giao thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư; dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn vốn ngoài ngân sách;

d) Các dự án đầu tư công bằng vốn ngân sách của Hà Nội tại địa bàn tỉnh khác hoặc dự án liên tỉnh nằm trong Vùng Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các dự án sau:

a) Dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino);

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; khu công nghệ cao;

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, C quy định tại Luật Đầu tư công, trừ các dự án đầu tư công nhóm B, C thuộc trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

6. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đầu tư công và dự án đầu tư công nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án: dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật; dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ; dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; dự án đường sắt đô thị từ 2.300 tỷ trở lên.

7. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội sau đây:

a) Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng, dự án đầu tư có đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 300 ha và quy mô dân số dưới 50.000 người;

c) Dự án đầu tư tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

c) Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Công nghệ cao.

Điều 45. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô bao gồm:

a) Đầu tư dự án, công trình trọng điểm, các dự án có tính chiến lược của Thành phố như xây dựng thành phố vệ tinh, xây dựng thành phố thông minh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao, các dự án phức hợp hoặc dự án có quy mô lớn về phát triển giao thông đô thị kết hợp với phát triển khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, thương mại dịch vụ theo mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ trở lên; dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật; dự án năng lượng sinh khối; dự án công nghệ gen, sinh học phân tử, vaccin; dự án nông nghiệp công nghệ cao; dự án công nghệ chế tạo chip, in 3D, vật liệu tiên tiến, công nghệ vật liệu xây dựng mới; dự án công nghệ được phẩm, phát triển hệ thống thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng tái tạo có quy mô vốn đầu tư từ 15.000 tỷ đồng trở lên; phát triển và chế tạo hệ thống thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh có quy mô vốn từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án bệnh viện, y tế công nghệ cao, trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp văn hoá theo các ngành nghề quy định tại khoản 3 Điều 23 có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chứng minh được năng lực về tài chính, năng lực quản trị, công nghệ và kinh

nghiệm để thực hiện thành công dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược.

c) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các cam kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và cam kết với Thành phố, thì nhà đầu tư chiến lược và cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này. Nhà đầu tư chiến lược và cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ngân sách của Thành phố các khoản đã được nhận ưu đãi hơn so với nhà đầu tư khác, đồng thời, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các hậu quả phát sinh khác do không thực hiện đúng cam kết của mình.

4. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 6 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 46 và có các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Theo thẩm quyền đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô và với quy mô tổng vốn đầu tư đối với từng loại dự án và ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật về đấu thầu được quy định tại Luật Đầu tư; các dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và thuộc diện phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thủ tục sau đây:

a) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng

lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, người có thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, điểm đ và điểm e khoản này;

d) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có một nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ hai nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

g) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể phương thức hợp tác công tư giữa Thủ đô với nhà đầu tư chiến lược trong các dự án phức hợp hoặc nhóm dự án có quy mô lớn được đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 46. Ưu đãi đầu tư

1. Các dự án đầu tư được ưu đãi gồm:

a) Dự án đầu tư mới vào thể thao và một số ngành công nghiệp văn hóa gồm: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, du lịch văn hóa theo danh mục cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định;

b) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô; cơ sở

đào tạo trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, cơ sở y tế tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội;

d) Dự án hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố.

2. Nhà đầu tư khi đầu tư vào các dự án quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi sau:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại;

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng công sản tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

b) Áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp; trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

3. Các doanh nghiệp hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực ưu tiên của Thành phố được:

a) Miễn thuế thu nhập thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn Thủ đô được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và tiền khen thưởng động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và tiền khen thưởng động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại thành phố Hà Nội.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản này.

5. Nhà khi đầu tư vào các dự án được quy định tại khoản 1 Điều 45 và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật này thì được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 45;

b) Được hỗ trợ một phần chi phí đầu tư của dự án đầu tư từ nguồn ngân sách của Thành phố. Tiêu chí, điều kiện, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định;

c) Được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi về thuế cao nhất theo quy định của pháp luật thuế và quy định của Luật này; trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng điều chỉnh của chính sách thuế tối thiểu thì áp dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thủ đô khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

đ) Được đề xuất về quy hoạch, tài trợ sản phẩm quy hoạch phân khu đô thị.

Chương V

LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ

Điều 47. Vùng Thủ đô

1. Chính quyền địa phương trong Vùng Thủ đô có trách nhiệm thực hiện liên kết chặt chẽ để huy động đa dạng các nguồn lực hỗ trợ các hoạt động, dự án liên kết vùng, tận dụng nội lực và ngoại lực của các địa phương trong vùng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh vùng, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội vùng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong Vùng Thủ đô.

2. Thủ đô Hà Nội có vai trò trung tâm trong Vùng Thủ đô và có thẩm quyền sau đây:

a) Chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch Vùng Thủ đô, Vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phê duyệt, thực hiện và huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trong Vùng Thủ đô hoặc dự án đầu tư tại các tỉnh khác trong Vùng.

Điều 48. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thủ đô và các luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Vùng Thủ đô.

2. Đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện phối hợp thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho bộ, ngành, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp.

5. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành và địa phương trong Vùng Thủ đô thì căn cứ đề nghị của Hội đồng điều phối vùng, Chủ tịch Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 49. Lĩnh vực phối hợp của Vùng Thủ đô

Lĩnh vực phối hợp của Vùng Thủ đô là tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Quy hoạch xây dựng;

2. Bảo tồn và phát triển văn hóa, lịch sử, du lịch;

3. Phát triển y tế, giáo dục và đào tạo;

4. Phát triển khoa học và công nghệ;

5. Quản lý và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

6. Quản lý đất đai;
7. Quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở;
8. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
9. Phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải;
10. Xây dựng đô thị thông minh.

Điều 50. Ưu tiên đầu tư phát triển Vùng Thủ đô

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

3. Các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng trên địa bàn của mình.

4. Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

5. Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng.

Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô cụ thể sau khi Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có ý kiến.

Điều 51. Thành phần Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

1. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô gồm các thành viên sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Thủ tướng Chính phủ;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- c) Phó Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- d) Ủy viên Thường trực: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

đ) Các Ủy viên: Thứ trưởng và tương đương của các bộ và cơ quan ngang bộ: Tài chính; Công Thương; Giao thông vận tải; Xây dựng; Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ngoại giao; Công an, Quốc phòng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Tư pháp; Văn phòng Chính phủ; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Ninh; Hưng Yên; Hà Nam; Hòa Bình; Phú Thọ; Bắc Giang; Vĩnh Phúc; Hải Dương; Thái Nguyên;

e) Thường trực Hội đồng điều phối vùng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực.

2. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có chức năng tham mưu, thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của Vùng Thủ đô, công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô.

Điều 52. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

1. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có chức năng tham mưu, thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của Vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

2. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có nhiệm vụ xây dựng, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ phát triển bền vững Vùng Thủ đô, dự án trọng điểm có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng, trong đó có:

a) Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn Vùng Thủ đô thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo dõi và có ý kiến trong quá trình điều chỉnh quy hoạch của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng, quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

b) Nội dung phát triển vùng và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm;

c) Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm có quy mô vùng và tính chất liên kết Vùng Thủ đô ưu tiên đầu tư trong từng thời kỳ. Hội đồng điều phối vùng có ý kiến đối với các công trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục cụ thể;

d) Phương án huy động nguồn lực, phương án phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô; kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm đối với các dự án trọng điểm có quy mô vùng và tính chất liên kết Vùng Thủ đô;

đ) Phương án huy động nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trong Vùng Thủ đô;

e) Các nguồn lực hỗ trợ từ thành phần kinh tế trong nước và quốc tế khác cho hoạt động liên kết vùng và phát triển bền vững Vùng Thủ đô.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp Vùng Thủ đô.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương trong xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ phát triển khu công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực điện, điện tử, công nghệ thông tin; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cơ sở hạ tầng trong khu du lịch quốc gia; đổi mới sáng tạo.

4. Thông qua kế hoạch điều phối vùng hằng năm và 05 năm của Vùng Thủ đô; giải quyết các vấn đề về liên kết, phối hợp giữa các bộ với các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định những vấn đề cấp thiết vượt thẩm quyền và khả năng đối với các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong Vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp, giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền các địa phương trong vùng hoặc những vấn đề không đạt được sự đồng thuận; hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương trong vùng.

6. Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu Vùng Thủ đô, tăng cường chia sẻ Thông tin giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các bộ, ngành. Yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, các cơ quan tổ chức khác có liên quan cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin, số liệu báo cáo, giải trình các vấn đề liên quan (trong trường hợp cần thiết) để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng điều phối vùng.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác gồm:

a) Thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng điều phối vùng; chỉ đạo, phối hợp với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong vùng tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, truyền thông của Vùng Thủ đô;

b) Thành lập các Tiểu ban điều phối ngành, lĩnh vực hoặc theo các tiểu Vùng (nếu cần thiết);

c) Phối hợp các bộ, cơ quan trung ương có ý kiến về đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình văn hóa, phúc lợi tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp; giải quyết các tệ nạn xã hội, vấn đề an ninh trật tự, an toàn xã hội có tác động liên vùng hoặc quy mô cấp vùng;

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương trong việc sử dụng lao động, hỗ trợ giới thiệu việc làm, hợp tác bố trí nguồn lao động và xử lý các vấn đề tranh chấp lao động (nếu có);

đ) Thúc đẩy, hỗ trợ hình thành và phát triển Hiệp hội doanh nghiệp và các Hiệp hội ngành hàng, Hiệp hội nghề nghiệp liên minh, liên hiệp hợp tác xã của toàn Vùng Thủ đô;

e) Quyết định sử dụng nguồn lực tài chính, nguồn lực khác được giao để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối vùng;

g) Phối hợp với Thủ đô Hà Nội và các vùng kinh tế khác trong việc hợp tác phát triển kinh tế - xã hội có tính chất liên kết giữa các vùng;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì điều phối việc thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô, **vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng** (không bao gồm quy hoạch về quốc phòng - an ninh) sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội giám sát tối cao việc thi hành Luật Thủ đô và định kỳ 03 năm xem xét Báo cáo của Chính phủ về việc thi hành Luật Thủ đô.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành Luật này.

2. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo về việc thi hành Luật Thủ đô.

Điều 54. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thủ đô.

b) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô.

2. Hằng năm, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô.

Điều 55. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc xây dựng chiến lược phát triển ngành, quy hoạch ngành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các cơ chế, chính sách đặc thù quy định trong Luật Thủ đô.

2. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn Thủ đô để bảo đảm quản lý thống nhất theo quy hoạch.

3. Tham gia Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô và tuân thủ nghiêm trách nhiệm đi dõr trụ sở theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các nội dung thuộc chức năng, quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình khi đẩy mạnh phân quyền cho Thành phố.

Điều 56. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Vùng Thủ đô

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Luật này.

2. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô trên địa bàn của mình.

4. Xây dựng và cung cấp các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều [...] của Luật này và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô.

5. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người dân Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền của thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật Thủ đô; định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện Luật Thủ đô.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô;

c) Tham gia ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các chính sách, cơ chế đặc thù quy định tại Luật này;

d) Hằng năm, báo cáo Chính phủ về việc thực hiện Luật Thủ đô.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thủ đô trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

5. Cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

6. Người Nhân dân Thủ đô có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.... năm 2025.

2. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 59. Quy định chuyển tiếp

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ ... 20... - 20....

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường nhiệm kỳ 20... - 20... kết thúc nhiệm vụ vào ngày ... tháng ... năm 20...

Kể từ ngày ... tháng ... năm 20..., Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật này. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nhiệm kỳ 20... - 20... tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của Luật này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

Cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 là Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Người có thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

3. Việc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tại các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, phường tại thành phố Hà Nội được thành lập kể từ ngày Luật này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công.

5. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT được ký kết theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng BT trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho nhà đầu tư, thì việc sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện thu hồi đất đối với các quỹ đất do Nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được xác định tại hợp đồng BT;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện thủ tục đầu tư, quy hoạch xây

dựng và thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định căn cứ vào hợp đồng BT đã ký kết và quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm thực hiện giao đất, cho thuê đất để thanh toán căn cứ theo khối lượng xây dựng công trình thuộc dự án áp dụng loại hợp đồng BT đã hoàn thành theo tiến độ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định của pháp luật và được kiểm toán. Giá tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định tại thời điểm quyết định giao đất, cho thuê đất.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày ... tháng 6 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ